

Bản án số: 350/2026/HS-PT

Ngày: 27-5-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hương Giang.

Các Thẩm phán: 1/ Ông Đặng Hồng Sơn.

2/ Bà Mai Trần Cảnh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Oanh – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Mỹ Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 277/HSPT ngày 23/4/2026 đối với bị cáo Nguyễn Đức C, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 121/HS-ST ngày 12/03/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: Nguyễn Đức C; sinh ngày 19/8/1969 tại thành phố Hà Nội; nơi thường trú: không đăng ký thường trú; chỗ ở: Nhà T, Ấp B, xã Đ, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức T (chết) và bà Phạm Thị B; có vợ là Trần Thị Y và có 01 con sinh năm 1991; tiền án: không.

Tiền sự: Ngày 24/01/2024, bị Công an phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản bằng hình thức phạt tiền. Ngày 06/02/2025 bị cáo đã đóng tiền phạt.

Nhân thân:

- Ngày 20/02/1998, bị Tòa án phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 07/5/1999.

- Ngày 10/12/2006, bị Công an huyện H bắt xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản.

- Ngày 20/12/2007, bị Công an huyện H bắt xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản.

- Ngày 14/8/2009, bị Công an huyện H bắt xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản.

- Ngày 14/6/2012, bị Công an huyện H đưa vào cơ sở giáo dục 24 tháng về hành vi Trộm cắp tài sản theo Quyết định số 279 ngày 17/02/2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố H. Bị cáo chấp hành xong ngày 14/6/2014.

Bị cáo bị bắt giam giữ từ ngày 19/9/2025 đến nay tại Phân trại tạm giam H thuộc Trại tạm giam Số B, Công an Thành phố H. (Có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ 00 phút ngày 18/9/2025, Nguyễn Đức C đi bộ ngang qua nhà số I ấp B, xã Đ, Thành phố Hồ Chí Minh thì thấy nhà không khóa cổng, C lên vào trong nhà thì thấy có nhiều xe gắn máy dựng trong nhà và cầm sẵn chìa khóa trên xe nên C nảy sinh ý định trộm cắp để bán lấy tiền tiêu xài. C lén lút đẩy xe máy hiệu Honda Future màu vàng nâu, biển số 59YA-245.71 của anh Nguyễn Đức H ra gần cổng, rồi nổ máy điều khiển xe đến bụi chuối ở bãi đất trống cạnh nhà trọ của C tại địa chỉ A, ấp B, xã Đ, Thành phố Hồ Chí Minh để cất giấu. Sau đó, C tiếp tục đi bộ quay lại nhà số I ấp B, xã Đ và lén lút đẩy 01 xe máy hiệu Honda Airblade màu đỏ đen, biển số 55Y7-4414 của ông Nguyễn Đức M ra khỏi cổng, rồi nổ máy và điều khiển xe về bụi chuối nơi giấu chiếc xe Future trộm trước đó để cất giấu. Sau khi trộm được 02 xe máy trên, C lấy biển số xe mô tô giả 77X4-2241 do C nhặt được gắn vào xe Honda Airblade và điều khiển xe đến chung cư H tại địa chỉ D D, KP33, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh để gửi tại bãi xe; lấy biển số xe 55Y7-4414 gắn vào xe Honda F và mang đến tiệm sửa xe của anh Trương Đình N để điều chỉnh xăng xe để C sử dụng. Sáng ngày 18/9/2025, ông M phát hiện bị mất trộm xe nên đã trình báo Công an xã Đ. Qua truy xét, Công an mời Nguyễn Đức C về làm việc. Tại Cơ quan điều tra, C khai nhận nội dung phạm tội như trên và chỉ điểm thu hồi được vật chứng là 02 xe máy nói trên.

Theo Kết luận định giá tài sản số 7312/KL-HĐDGTS ngày 26/9/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự cấp Thành phố xác định: 01 xe mô tô Honda Future biển số 59YA.24571 trị giá 14.000.000 đồng; 01 xe mô tô Honda Airbalde biển số 55Y7-4414 trị giá 35.333.000 đồng. Tổng trị giá của hai chiếc xe trên là 49.333.000 đồng.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, Nguyễn Đức C khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên, lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ do Cơ quan điều tra đã thu thập thể hiện trong hồ sơ vụ án.

Về dân sự: Các bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì thêm.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 121/2026/HS-ST ngày 12/3/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 8, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức C: 02 (Hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 19/9/2025.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/3/2026, bị cáo Nguyễn Đức C có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Nguyễn Đức C giữ nguyên nội dung kháng cáo, đồng thời thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sau khi tóm tắt nội dung vụ án và phân tích tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội do bị cáo thực hiện, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo Nguyễn Đức C về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Về kháng cáo của bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt, mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là phù hợp và tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không cung cấp tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Bị cáo không trình bày lời bào chữa và không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đức C về nội dung quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo của bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8, Thành phố Hồ Chí Minh trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo Nguyễn Đức C tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với Kết luận giám định, Kết luận định giá tài sản cũng như các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định:

Khoảng 01 giờ 00 phút ngày 18/9/2025, tại nhà số I ấp B, xã Đ, Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo Nguyễn Đức C đã có hành vi 02 lần lén lút lấy trộm xe mô tô Honda Future biển số 59YA.24571 của anh Nguyễn Đức H và xe Honda Airblade biển số 55Y7-4414 của ông Nguyễn Đức M, cất giấu nhằm mục đích bán lấy tiền để tiêu xài cá nhân. Theo Kết luận định giá tài sản số 7312/KL-HĐĐGTS ngày 26/9/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự cấp Thành phố xác định hai chiếc xe mà bị cáo chiếm đoạt có giá trị là 49.333.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Đức C về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người khác. Bị cáo là người trên 18 tuổi và không thuộc trường hợp không có năng lực trách nhiệm hình sự nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm. Do đó, cần áp dụng các quy định tương ứng của Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng. Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử cũng cân nhắc, xem xét đến tính chất, mức độ, vai trò, các tình tiết giảm nhẹ hình phạt và nhân thân của bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo:

[4.1] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo thực hiện 02 lần hành vi chiếm đoạt tài sản và mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4.3] Về nhân thân: Bị cáo Nguyễn Đức C đã nhiều lần bị Tòa án xét xử và bị Công an xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản” nên Hội đồng xét xử xét bị cáo là người có nhân thân xấu khi quyết định hình phạt.

[5] Xét nội dung kháng cáo của bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Khi lượng hình, Cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo có một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bên cạnh đó, bị cáo đã nhiều lần bị Tòa án xử phạt tù và bị Công an xử phạt vi phạm hành chính cùng về hành vi “Trộm cắp tài sản”, nhưng vẫn cố ý phạm tội danh này. Điều này chứng tỏ bị cáo là người xem thường pháp luật, nên cần phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc mới có tác dụng răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh bị cáo có tình tiết giảm nhẹ nào mới. Xét mức án 02 năm 06 tháng tù mà cấp sơ thẩm tuyên phạt đối với bị cáo là phù hợp. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Lập luận trên đây cũng là căn cứ để chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm về việc không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[7] Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[8] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đức C. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 121/2026/HS-ST ngày 12/3/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 và Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức C: 02 (Hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 19/9/2025.

Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

Bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- CQ THAHS CA.TP.HCM (1)
- CQCSĐT – CA.TP.HCM; (1)
- VKSND Khu vực 8; (1)
- TAND Khu vực 8; (1)
- THADS TP.HCM (1)
- Phòng THADS Khu vực 8; (1)
- Phân trại tạm giam Hóc Môn, Trại tạm giam số 2; (1)
- Bị cáo; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ (21) (8)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Hương Giang